

Số: 16 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung, điều chỉnh Danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất và mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-KTNS ngày 14 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh Danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất và mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2024, cụ thể như sau:

1. Bổ sung dự án, công trình phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, cụ thể như sau:

- Số dự án, công trình: 9 dự án, công trình;
- Tổng diện tích đất thu hồi: 201,07 ha;
- Dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 1.126,25 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Biểu 1 - kèm theo)

2. Điều chỉnh 3 dự án, công trình phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai (về diện tích đất thực hiện, thu hồi, vị trí trên bản đồ và mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng).

(Chi tiết tại Biểu 2 - kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật; chỉ triển khai thực hiện thu hồi đất khi các công trình, dự án có đầy đủ các điều kiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm các dự án sử dụng đất đúng mục đích và các quy định pháp luật liên quan; tránh làm thất thoát ngân sách nhà nước, lãng phí đất đai.

b) Đối với các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát, xác định cụ thể diện tích cần chuyển mục

đích sử dụng đất trước khi trình cấp có thẩm quyền.

c) Thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

d) Rà soát, bảo đảm đúng quy định của pháp luật trước khi tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý và tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ, đồng bộ của hồ sơ (vị trí, loại đất, quy mô, sự phù hợp với quy hoạch, nguồn gốc đất, các nội dung, số liệu khác có liên quan) và điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện của các dự án, công trình, bảo đảm đúng theo số liệu hồ sơ kiểm kê đất đai (định kỳ 5 năm/lần), hồ sơ thống kê đất đai (định kỳ hàng năm) và các hồ sơ đất đai khác theo quy định của pháp luật.

đ) Rà soát hiện trạng, thực hiện đưa ra khỏi danh sách những dự án không khả thi, dự án hoặc diện tích trên thực tế đã thu hồi, chuyển mục đích, sử dụng đất lúa, đất rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng trước khi được cơ quan Nhà nước theo phân cấp thẩm quyền chấp thuận, cho phép, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp.

e) Chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và tổ chức thực hiện các dự án bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TNMT, NNPTNT, CT, TP;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP ĐDBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Các CV VP ĐDBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

BIỂU 01: BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ MỨC VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DỰ KIẾN CẤP CHO VIỆC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: **16** /NQ-HĐND ngày **15** tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quyết định đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Trong đó:		Khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	Căn cứ pháp lý
						Diện tích đất phải giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thu hồi và không phải thu hồi (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. QUẬN HẢI AN					166,49	164,94	1,55	953,60	
1	Dự án xây dựng Khu đô thị mới tại phường Trảng Cát	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Phường Trảng Cát	Các Tờ bản đồ giải thửa: - Tờ bản đồ số 02 bao gồm các thửa: từ 564 đến 569; - Tờ bản đồ số 03 bao gồm các thửa: từ 35 đến 37, từ 41 đến 47, từ 49 từ 96; - Tờ bản đồ số 06 bao gồm các thửa: Từ 01 đến 25; - Tờ bản đồ số 07 bao gồm các thửa: từ 01 đến 12, 51, từ 68 đến 72, từ 77 đến 121, 84a, từ 123 đến 130, 156, từ 176 đến 178, từ 181 đến 215, 228, 229, từ 231 đến 237, 261, 262, từ 264 đến 271, từ 273 đến 281, 286, từ 315 đến 334, 359, 446, từ 464 đến 467, từ 469 đến 471, 498, từ 503 đến 519, 505a, 505b, 516a, 521, từ 677 đến 703, từ 787 đến 791, 1133, từ 1563 đến 1566, 1568; - Tờ bản đồ số 08 bao gồm các thửa: từ 01 đến 19, từ 21 đến 27; - Tờ bản đồ số 11 bao gồm các thửa: từ 51 đến 61, 61b, 61a; - Tờ bản đồ số 12 bao gồm các thửa: 65, 82 đến 97, 93a; - Tờ bản đồ số 13 bao gồm các thửa: 01, 145; - Tờ bản đồ số 14 bao gồm các thửa: từ 02 đến 08; - Tờ bản đồ số 15 bao gồm các thửa: 178, 179; - Tờ bản đồ số 21 bao gồm các thửa: từ 172 đến 175, từ 228 đến 242, từ 293 đến 308; - Tờ bản đồ số 22 bao gồm các thửa: từ 745 đến 748; - Tờ bản đồ số 23 bao gồm các thửa: từ 01 đến 04, từ 90 đến 177, từ 178 đến 188, từ 189 đến 231, từ 233 đến 241, từ 354 đến 372, từ 375 đến 392, từ 425 đến 438, từ 440 đến 450, từ 473 đến 477, từ 480 đến 489, 493, 494, từ 504 507, từ 522 đến 530, 538, 540, từ 541 đến 544, 548, từ 553 đến 555, 559; - Tờ bản đồ số 24 bao gồm các thửa: từ 02 đến 06, từ 21 đến 55; - Tờ bản đồ số 25 bao gồm các thửa: từ 08 đến 10; - Tờ bản đồ số 28 bao gồm các thửa: từ 01 đến 30, 32, 33, 37, 54, 55, từ 57 đến 62, 125, 126, từ 129 đến 131; Tờ bản đồ số 29 bao gồm các thửa: Từ 01 đến 33, từ 35 đến 77, từ 86 đến 88, từ 90 đến 111, 118, 119, 185, từ 189 đến 192; - Tờ bản đồ số 30 bao gồm các thửa: Từ 01 đến 06, 4a, 08, từ 10 đến 19, từ 24 đến 36, từ 36.1 đến 36.10, từ 36.15 đến 36.30, 66a, từ 91, 93 đến 100, từ 104 đến 108, 110, 112, 113, 116, 283, 284, 288.	161,08	161,08	-	938,60	- Thông báo số 320/TB-VP ngày 03/11/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về ý tưởng đầu tư dự án Khu đô thị tại phường Trảng Cát, quận Hải An; - Thông báo số 402/TB-VP ngày 25/12/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về một số nội dung về quy hoạch và dự án trên địa bàn thành phố; - Thông báo số 31/TB-VP ngày 19/01/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về một số nội dung về quy hoạch và dự án phát triển trên địa bàn thành phố; - Công văn số 805/UBND-DA ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc lập hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án và lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch 1/2000 quận Hải An tại khu vực Dự án đô thị Trảng Cát; - Bản vẽ vị trí khu đất.



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quyết định đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Trong đó:		Khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	Căn cứ pháp lý
						Diện tích đất phải giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thu hồi và không phải thu hồi (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Dự án chỉnh trang đô thị tại khu đất có quy mô 5,4ha phường Thành Tô, quận Hải An	Ủy ban nhân dân quận	Phường Thành Tô	- Tờ Bản đồ giải thửa số 55 gồm các thửa: 11, 16; - Thửa số 6 Tờ Bản đồ giải thửa số 56; - Tờ Bản đồ giải thửa số 62 gồm các thửa: từ 02 đến 05; - Tờ Bản đồ giải thửa số 63 gồm các thửa: 01, 02.	5,41	3,86	1,55	15,00	- Quyết định số 08/QĐ-HĐND ngày 21/8/2017, Quyết định số 09/QĐ-HĐND ngày 31/8/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân quận, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30/3/2022, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/4/2024 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của Hội đồng nhân dân quận về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; - Các Quyết định: số 3883/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, số 938/QĐ-UBND ngày 05/5/2020; số 328/QĐ-UBND ngày 22/02/2023, số 2285/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 và số 460/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt và điều chỉnh Dự án; - Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân quận về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; - Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án; - Bản vẽ vị trí khu đất.
II. HUYỆN AN LÃO					34,88	34,88	-	167,69	
3	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Cẩm Vân, huyện An Lão	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Xã Quốc Tuấn	- Tờ bản đồ địa chính số 218-D-II gồm các thửa: từ 14 đến 66, từ 70 đến 79, từ 89 đến 96, từ 100 đến 126, từ 128 đến 140, từ 146 đến 178, từ 185 đến 243, từ 301 đến 381, 395, 397, từ 477 đến 492, từ 498 đến 512, từ 520 đến 524, từ 594 đến 607, từ 661 đến 663; - Tờ bản đồ địa chính số 218-B-IV gồm các thửa: từ 278 đến 288, từ 322 đến 341, từ 350 đến 296, từ 432 đến 461, từ 503 đến 519; - Tờ bản đồ địa chính số 218-B-IV gồm các thửa: từ 305 đến 309, từ 401 đến 407, từ 451 đến 457, từ 497 đến 500, từ 505 đến 521, từ 545 đến 563, từ 587 đến 594; - Tờ bản đồ địa chính số 219-C-I gồm các thửa: từ 01 đến 13, 69, từ 108 đến 135, từ 195 đến 221, từ 284 đến 301, 381, từ 384 đến 390, từ 483 đến 485, 504.	34,88	34,88	-	167,69	- Thông báo số 1929-TB/TU ngày 12/01/2024 của Thường trực Thành ủy về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cẩm Vân, huyện An Lão; - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 932/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố; - Bản vẽ vị trí khu đất; - Dự án trên 10ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTr ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
III. HUYỆN VĨNH BẢO					0,70	0,70	-	4,53	
4	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Tạ, xã Hùng Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Bảo	Xã Hùng Tiến	Thửa số 330 tờ Bản đồ giải thửa số 5	0,17	0,17	-	1,17	- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 6727a/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2024 (mục 3.16 mục 3 phần I, phụ lục 2); - Bản vẽ vị trí khu đất.
5	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nam Hà, xã Tân Liên	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Bảo	Xã Tân Liên	Bản đồ giải thửa số 5B bao gồm các thửa: 31, 31B	0,53	0,53	-	3,36	- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 6728a/QĐ-UBND ngày 08/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2024 (mục 3.15 mục 3 phần I, phụ lục 2); - Bản vẽ vị trí khu đất.



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quyết định đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Trong đó:		Khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	Cơ sở pháp lý
						Diện tích đất phải giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thu hồi và không phải thu hồi (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
IV. HUYỆN TIỀN LÃNG					0,55	0,55	-	0,43	
6	Xây dựng mới các TBA phân phối trên địa bàn Tiên Lãng năm 2024 - Khu vực Đội KDDV Lộc Trù	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	Các xã: Tiên Minh, Tiên Thắng, Bắc Hưng, Tây Hưng, Hùng Thắng, Vinh Quang	- Bản đồ địa chính xã Tiên Minh: + Thửa số 19 Tờ số 30; + Tờ số 29 gồm các thửa: 132,134, 250, 268, 362; + Thửa 96 Tờ số 04. - Bản đồ địa chính xã Tiên Thắng: + Thửa số 466 Tờ số 5; + Tờ số 06 gồm các thửa: 14, 315, 395, 397, 429, 976. - Bản đồ giải thửa xã Bắc Hưng: + Tờ số 03 gồm các thửa: 151, 154, 160, 162, 191; + Tờ số 04 gồm các thửa: 64, 70, 71, 325; + Tờ số 05 gồm các thửa: 16, 24, 22. - Bản đồ địa chính xã Hùng Thắng: + Thửa số 44 Tờ số 09; + Thửa số 363 Tờ số 52; - Thửa số 207 Tờ Bản đồ giải thửa số 01 xã Tây Hưng. - Bản đồ giải thửa xã Vinh Quang: + Thửa số 260 Tờ số 24; + Tờ số 25 gồm các thửa: 714, 718, 719; + Thửa số 237b Tờ số 31; + Tờ số 30 gồm các thửa: 59, 70, 71, 74, 175, 179, 185, 190, 196, 199, 208, 254.	0,02	0,02	-	0,10	- Quyết định số 1749/QĐ-PCHP ngày 07/7/2023 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng phê duyệt Phương án đầu tư xây dựng Dự án; - Quyết định số 3237/QĐ-PCHP ngày 11/12/2023 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng về việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án năm 2024; - Công văn số 207/UBND-KTHT ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc chấp thuận mặt bằng tuyến, vị trí TBA dự án; - Mặt bằng tuyến.
7	Xây dựng mới các TBA phân phối trên địa bàn Tiên Lãng năm 2024 - Khu vực Đội KDDV Trung tâm	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	Các xã: Tiên Cường, Quang Phục, Kiến Thiết, Toàn Thắng, Quyết Tiến	- Bản đồ giải thửa xã Tiên Cường: + Tờ số 04 gồm các thửa: 03, 06, 18, 21, 22, 53, 54; + Thửa số 35 Tờ số 11. - Bản đồ giải thửa xã Kiến Thiết: + Tờ số 10 gồm các thửa: 363, 615, 619, 627, 662, 950; + Thửa 556 Tờ số 11; + Thửa số 257 Tờ số 21. - Bản đồ giải thửa xã Quang Phục: + Tờ số 11 gồm các thửa: 28, 91; + Tờ số 12 gồm các thửa: 01A, 03; + Tờ số 23 gồm các thửa: 20, 51; + Thửa số 588 Tờ số 18. - Bản đồ địa chính xã Toàn Thắng: + Tờ số 20 gồm các thửa: 603, 672, 698, 705, 834; + Tờ số 23 gồm các thửa: 855, 856; - Tờ Bản đồ địa chính số 15 xã Tiên Thắng gồm các thửa: 41, 42. - Bản đồ giải thửa xã Quyết Tiến: + Tờ số 11 gồm các thửa: 807, 882, 892, 949, 1059; + Tờ số 12 gồm các thửa 381, 404, 458, 549, 606, 639, 705, 745, 775.	0,03	0,03	-	0,09	- Quyết định số 1753/QĐ-PCHP ngày 7/7/2023 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng phê duyệt Phương án đầu tư xây dựng Dự án; - Quyết định số 3238/QĐ-PCHP ngày 11/12/2023 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng về việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án năm 2024; - Công văn số 208/UBND-KTHT ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc chấp thuận mặt bằng tuyến, vị trí TBA dự án; - Mặt bằng tuyến.



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư/Cơ quan quyết định đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Trong đó:		Khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	Căn cứ pháp lý
						Diện tích đất phải giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện dự án (ha)	Diện tích đã thu hồi và không phải thu hồi (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Dự án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án tại xã Quang Phục (thôn Nêu)	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng	Xã Quang Phục	Thửa số 24 Tờ Bản đồ giải thửa số 07	0,08	0,08	-	-	- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình; - Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 về việc phân bổ điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024, huyện Tiên Lãng; - Công văn số 6952/SXD-QHKT ngày 20/12.2023 của Sở xây dựng về cung cấp thông tin về quy hoạch khu đất tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn huyện Tiên Lãng - Bản vẽ vị trí khu đất.
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Hoàng Đông, xã Quang Phục	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng	Xã Quang Phục	Bản đồ giải thửa số 23 bao gồm các thửa: 15, 19	0,41	0,41	-	0,24	- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình; - Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 về việc phân bổ điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024, huyện Tiên Lãng; - Bản vẽ vị trí khu đất;
Tổng					202,62	201,07	1,55	1.126,25	



BIỂU 02: CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI
 (VỀ DIỆN TÍCH ĐẤT THỰC HIỆN, THU HỒI, VỊ TRÍ TRÊN BẢN ĐỒ VÀ MỨC VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DỰ KIẾN CẤP CHO VIỆC BÒI THƯỜNG,
 GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 16 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án	Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua		Điều chỉnh kỳ này	Căn cứ pháp lý	Lý do điều chỉnh
		Số Nghị quyết	Nội dung			
I. QUẬN HẢI AN						
1	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ga hàng hoá - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi - Giai đoạn 2	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ga hàng hoá - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi - Giai đoạn 2; quy mô 8,28ha với kinh phí giải phóng mặt bằng dự kiến là 5,5 tỷ; địa điểm tại phường Thành Tô, quận Hải An	Dự án xây dựng nhà ga hàng hoá - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi; quy mô 8,68ha với kinh phí giải phóng mặt bằng là 7,68 tỷ; địa điểm tại phường Thành Tô, quận Hải An	- Các Quyết định: số 1994/QĐ-TTg ngày 03/11/2014; số 1232/QĐ-TTg ngày 07/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Tổng thể Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi đến năm 2015, định hướng đến năm 2025; - Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án xây dựng nhà ga hàng hoá - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi; được điều chỉnh lần thứ nhất tại quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 21/7/2023; - Quyết định số 2062/QĐ-CHK ngày 27/9/2023 của Cục Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng nhà ga hàng hóa Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi; - Quyết định số 4157/QĐ-TCTCHKVN ngày 14/11/2023 của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt dự án xây dựng ga hàng hóa - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi; - Bản vẽ vị trí khu đất.	Điều chỉnh do thay đổi quy mô dự án
II. HUYỆN VĨNH BẢO						
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đường 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10 huyện Vĩnh Bảo	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	- Diện tích quy hoạch: 7,63 ha - Diện tích đất lúa thu hồi: 3,68ha	- Diện tích quy hoạch: 7,63 ha - Diện tích đất lúa: 4,99 ha	- Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đường 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10 huyện Vĩnh Bảo; - Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đường 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10 huyện Vĩnh Bảo; - Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 98/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2024.	Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo theo Mảnh trích đo địa chính đã được phê duyệt làm căn cứ để thực hiện trình tự chuyển mục đích đất lúa



STT	Tên dự án	Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua		Điều chỉnh kỳ này	Căn cứ pháp lý	Lý do điều chỉnh
		Số Nghị quyết	Nội dung			
III. HUYỆN AN LÃO						
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quản lý kinh doanh Cụm Công nghiệp Chiến Thắng, huyện An Lão	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/3/2024	- Tờ bản đồ địa chính số 7-(292-B) gồm các thửa: từ 515 đến 520, từ 643 đến 650, từ 731 đến 739, từ 743 đến 751, từ 810 đến 813; - Tờ bản đồ địa chính số 8-(293-A) gồm các thửa: từ 323, 324, 338 đến 346, 348, từ 356 đến 381, từ 383 đến 399, từ 414 đến 425, 429, 431, từ 435 đến 453, 470, từ 541 đến 546, từ 549 đến 555; - Tờ bản đồ địa chính số 11-(292-D) gồm các thửa: từ 18 đến 25, từ 33 đến 38, từ 40 đến 44, từ 64 đến 79, 81, 90, 97, 98; - Tờ bản đồ địa chính số 12-(293-C) gồm các thửa: từ 01 đến 23, 93, từ 95 đến 133, 133A, từ 134 đến 138, từ 140 đến 160, 192 đến 207, 209, từ 212 đến 228, từ 317 đến 325, từ 329 đến 355, từ 401 đến 461; từ 538 đến 548, từ 1044 đến 1049.	Tờ bản đồ địa chính số 7-(292-B) gồm các thửa: từ 515 đến 520, từ 643 đến 650, từ 731 đến 739, từ 743 đến 751, từ 810 đến 813; - Tờ bản đồ địa chính số 8-(293-A) gồm các thửa: từ 323, 324, 338 đến 346, 348, từ 360 đến 371, từ 375 đến 393, từ 416 đến 429, 431, từ 435 đến 438, 438A, từ 439 đến 453, 470, từ 540 đến 547, từ 549 đến 555; - Tờ bản đồ địa chính số 11-(292-D) gồm các thửa: từ 18 đến 25, từ 33 đến 44, từ 64 đến 81, 97, 98; - Tờ bản đồ địa chính số 12-(293-C) gồm các thửa: từ 01 đến 23, từ 97 đến 133, 133A, từ 134 đến 138, từ 140 đến 152, từ 194 đến 228, từ 317 đến 355, từ 401 đến 461, từ 538 đến 553, từ 1044 đến 1049.	- Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Cụm công nghiệp Chiến Thắng huyện An Lão; - Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Bản vẽ vị trí khu đất; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Ủy ban nhân dân huyện An Lão đề nghị điều chỉnh số tờ, số thửa tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/3/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố để bảo đảm theo đúng phạm vi của dự án

